TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 10 - 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Hưng.
2. Ông Lê Dũng Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST - HNGĐ ngày 20/9/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thiều Thị T, sinh năm 1999;

Nơi ĐKHKTT: Thôn TS, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn PT 2, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Chị T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn TS, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa ; Anh Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2019, bản tự khai ngày 16/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Thiều Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/12/2017. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống cũng như cách chăm sóc con cái nên vợ chồng luôn sảy ra va chạm, cãi vã nhau. Từ tháng 02 năm 2019 chị T đã phải mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 20/5/2018; Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng trên tháng) cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2019 bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: Anh và chị Thiều Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/12/2017. Vợ chồng chung sống được gần hai năm và cũng có sảy ra mâu thuẫn nhỏ, anh Q công nhận có chửi và tát một hai cái, nhưng từ đầu năm tới giờ vợ chồng có cãi nhau nhưng không sảy ra xô sát nữa. Chị T mang con về bên ngoại ở, anh không đồng ý; Chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì trong thời gian từ đầu năm 2019 tới giờ, anh không đánh vợ, vì chị T muốn ở nhà mẹ đẻ, anh Q không đồng ý mà dẫn tới chị T xin ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 20/5/2018; Nếu phải ly hôn anh Q không đồng ý giao con cho chị T vì cho rằng hơn 01 tháng khi anh mang con về nhà nội chị T vẫn không về nhà nội chăm lo cho con. Nếu chị T nuôi con anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, sau khi xem xét đơn của chị Thiều Thị T và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Xét thấy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời giao cháu Lê Thị Phương Anh, sinh ngày 20/5/2018 cho chị Thiều Thị T, trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là cần thiết vì cháu mới 15 tháng 06 ngày tuổi, trong giai đoạn cần phải nuôi bằng nguồn sữa mẹ và rất cần thiết có sự chăm sóc của người mẹ để phát triển bình thường như mọi đứa trẻ khác; Tòa án đã ra quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời giao cháu Lê Thị Phương Anh, sinh ngày 20/5/2018 là con chung của chị Thiều Thị T và anh Lê Văn Q cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Buộc anh Lê Văn Q phải giao cháu Lê Thị Phương A cho chị Thiều Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng anh Q không đến để tham gia phiên hòa giải, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn Q đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Thiều Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điển b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Q.

[2]. Về hôn nhân: Chị Thiều Thị T và anh Lê Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng

hạnh phúc thời gian ngắn còn lại là cãi cọ nhau, có việc xô sát sảy ra trong cuộc sống được anh Q thừa nhận; Mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên hòa giải và mở phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh Q cũng không thiết tha, níu kéo; chị T đã bỏ về bên ngoại ở và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, mâu thuẫn cũng đã kéo dài được hai bên thừa nhận. Chị T cũng đã có văn bản báo cáo ngày 10/10/2019 về việc chị phải ra ở với anh Q trong thời gian ngắn chờ Tòa giải quyết việc ly hôn vì thương con do anh Q mang con ra Hà Nội để chốn tránh việc giao con cho chị T, chị T phải đi theo anh Q mong muốn mang được con về chăm sóc vì con còn quá nhỏ; chị Vẫn giữ nguyên yêu cầu và mong muốn được ly hôn anh Q; điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Q đều khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Phương Anh, sinh ngày 20/5/2018; Chị T xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu A có ghi họ tên mẹ là chị Thiều Thị T, họ tên bố là Lê Văn Q; Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu A là con chung của chị T và anh Q. Chị T và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi con chung, xét yêu cầu nuôi con của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng anh Q có hành vi bạo lực với chị T, thể hiện việc anh thừa nhận việc tát chị T, việc chấp hành pháp luật chưa tốt, thể hiện anh chưa giao con cho chị T khi Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc giao con ngày 26/8/2019 nhưng đến ngày mãi đến ngày 07/10/2019 chị T mới lừa bắt con chung về, việc Tòa án giao nhận Quyết định xét xử và giấy triệu tập anh Q không ký nhận, Tòa án đã thông báo đầy đủ cho anh Q biết; hơn nữa cháu A là nữ giới đang còn nhỏ, tại thời điểm xét xử cháu mới 17 tháng tuổi, giao con chung cho chị T sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu A. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu A theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Nuôi dưỡng con cái chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ, nên buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng) là phù hợp.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 26/8/2019 về việc buộc anh Lê Văn Q phải giao cháu Lê Thị Phương Anh cho chị Thiều Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ hết hiệu lực pháp luật khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 112, Điều 138, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Thiều Thị T ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Thị Phương A, sinh ngày 20/5/2018 cho chị Thiều Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Anh Q có Q đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh Q phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Thiều Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005554 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ án phí. Buộc anh Lê Văn Q phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa về việc buộc anh Lê Văn Q phải giao cháu Lê Thị Phương Anh cho chị Thiều Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ hết hiệu lực pháp luật khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

5. Về Q kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh Q có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Lê Ngọc Hưng** **Hoàng Văn Đạt**